TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G THÀNH PHỐ H	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2023/DS-ST
Ngày: 22/9/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Trung

Ông Vũ Minh Long

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký, Toà án nhân dân huyện G, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H*, tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2023/TLST – DS ngày 20/6/2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-DS ngày 11/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ: Số 266-268 NK, phường VTS, Quận 3, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà NĐTD – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng SGTT. Địa chỉ: Số 278 NK, phường VTS, Quận 3, Thành phố HCM. Người đại diện theo pháp luật: Ông LNT – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Ủy quyền lại cho: Anh NTH – Chức vụ: Nhân viên. (Anh H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh NVC, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Đội 5, thôn CĐ (nay là thôn 3), xã ĐX, huyện G, Thành phố H

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ C, xã Y, huyện G, Thành phố H. (Anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2023 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT (Sacombank) và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Sacombank trình bày:*

Ngày 20/06/2016, anh NVC, sinh năm 1991, địa chỉ: Đội 5, thôn CĐ (nay là thôn 3), xã ĐX, huyện G, thành phố H có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 2460 và thẻ Family Local Credit số thẻ 970403 - 5214 với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất thẻ áp dụng 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 468,987,613 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 478,971,644 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau). Cụ thể:

Đối với thẻ: Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 2460: Anh C bắt đầu thực hiện giao dịch từ ngày 31/7/2016 đến ngày 30/6/2020 thực hiện giao dịch cuối cùng. Trong thời gian trên anh C đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 189.387.613 đồng. Đã thanh toán 191.074.275 được trừ vào các loại phí và lãi trong hạn rồi mới được trừ vào số tiền giao dịch theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện. Đến ngày 31/5/2022 anh C còn nợ lại số tiền 24.031.854 đồng. Ngày 01/6/2022 Anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xác định số nợ tại thời điểm vi phạm là 24.031.854 đồng.

Đối với thẻ: Family Local Credit số thẻ 970403 – 5214: Anh C bắt đầu thực hiện giao dịch từ ngày 31/7/2016 đến ngày 31/01/2019 thực hiện giao dịch cuối cùng. Trong thời gian trên, anh C đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 279.600.000 đồng. Đã thanh toán 287.897.369 đồng được trừ vào các loại phí và lãi trong hạn rồi mới được trừ vào số tiền giao dịch theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện. Đến ngày 30/6/2022 anh C còn nợ lại số tiền 2.294.564 đồng. Ngày 01/7/2022 anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xác định số nợ tại thời điểm vi phạm là 2.294.564 đồng

Do anh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với thẻ 472074 – 2460 và ngày 01/07/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền

sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với thẻ 970403 - 5214 (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn áp dụng đối với cả hai thẻ là: 2.6% x 150% = 3.9%/tháng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu anh C có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên anh C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh C vẫn không có thiện chí trả nợ

Tính đến ngày 22/09/2023, anh C còn nợ các khoản sau (đơn vị tính: đồng):

Số Thẻ	Nợ Gốc	Lãi Quá Hạn	Dư Nợ
970403 - 5214	2.294.564	1.339.367	3.633.931
472074 – 2460	24.031.854	14.964.439	38.996.293
Tổng	**26.326.418**	**16.303.806**	**42.630.224**

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP SGTT kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn là anh C:

- Buộc anh NVC phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/09/2023 là **42.630.224** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng).

- Và anh NVC có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 22/09/2023 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đến nay, Sacombank chỉ biết anh C có đăng ký HKTT tại Đội 5, thôn CĐ (nay là thôn 3), xã ĐX, huyện G, thành phố H. Và qua kết quả xác minh của Tòa án, thể hiện anh C có đăng ký tạm trú tại Tổ C, xã Y, huyện G, thành phố H. Ngoài ra không biết địa chỉ nơi ở nào khác của anh C. Hiện nay ngân hàng không liên lạc được với anh C, không biết anh C đi đâu, làm gì và khi nào trở về.

* Bị đơn – anh NVC đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh C không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của anh C tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Tòa án nhân dân huyện G đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán, thư ký lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của

pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đối với anh NVC buộc anh C phải trả cho Sacombank số tiền tạm tính đến hết ngày 22/9/2023 là: 42.630.224 đồng, trong đó: Nợ gốc: 26.326.418 đồng; Nợ Lãi quá hạn: 16.303.806 đồng.

- Kể từ ngày 23/9/2023, anh NVC còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1].Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh NVC đã được Ngân hàng TMCP SGTT cấp 02 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là anh NVC đăng ký HKTT: Đội 5, thôn CĐ (nay là thôn 3), xã ĐX, huyện G, thành phố H. Và qua xác minh thể hiện anh NVC có đăng ký tạm trú tổ C, xã Y, huyện G, thành phố H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyên đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, nhưng tại phiên tòa Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1].Việc ký kết hợp đồng: Ngày 20/06/2016 anh NVC, sinh năm 1991, đăng ký HKTT: Đội 5, thôn CĐ (nay là thôn 3), xã ĐX, huyện G, thành phố H đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tin dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng TMCP SGTT với nội dung:

Hạn mức tiền vay: 20.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng mở tại Sacombank, nhận nợ từ thời điểm Sacombank giải ngân tiền vay vào tài khoản thanh toán của bên vay.

Anh NVC đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi anh C sử dụng dịch vụ tại Sacombank mà anh C đã ký ngày 20/06/2016.

Ngày 05/07/2016 Sacombank đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho anh NVC.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: .

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015).

Xét hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hợp đồng ký kết có mục đích và nội dung rõ ràng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo

đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 122, 401, 402, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng..

[2.3]. Về việc thực hiện hợp đồng của các bên, yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Anh C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 468.987.613 đồng. Anh C đã nhận đủ số tiền vay nhưng anh C đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng TMCP SGTT. Tính đến ngày 22/9/2023 anh C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 478.971.644 đồng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi, hiện còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 42.630.224 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 26.326.418 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.303.806 đồng) cụ thể: đối với thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 – 2460 tổng dư nợ là 38.996.293 đồng (trong đó nợ gốc là 24.031.854 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.964.439 đồng) và thẻ Family Local Credit số thẻ 970403 – 5214 tổng dư nợ là 3.633.931 đồng (trong đó nợ gốc là 2.294.564 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.339.367 đồng).

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn. (Lãi suất thẻ áp dụng là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn áp dụng 2,6% x 150% = 3,9%. Từ khi ký hợp đồng tín dụng đến nay, Ngân hàng không điều chỉnh lãi suất).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu buộc anh C phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn nên căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc: 26.326.418 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.303.806 đồng. Tổng cộng: 42.630.224 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về việc buộc Bị đơn là anh NVC phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/06/2016 tổng số tiền còn nợ *(tạm tính đến hết ngày 22/9/2023)* là: Nợ gốc: 26.326.418 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.303.806 đồng. Tổng cộng: 42.630.224 đồng.

Kể từ ngày 23/9/2023, anh NVC còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể anh NVC phải chịu án phí sơ thẩm là: 2.131.511 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 122, 124, 401, 402, 471, và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Áp dụng Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/05/2005;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đối với anh NVC.

2. Buộc anh NVC phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/06/2016 của anh NVC và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT) tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 22/9/2023 là: Nợ gốc: 26.326.418 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.303.806 đồng. Tổng cộng: 42.630.224 đồng.

3. Buộc anh NVC phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 23/9/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/06/2016 của anh NVC và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT) cho đến khi anh C thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP SGTT. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Buộc anh NVC phải chịu án phí sơ thẩm là: 2.131.511 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số AA/2020/0073996 ngày 20/6/2023 là 993.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP.H;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Nguyễn Minh Ngọc